



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN CỬU LONG AG
90 Hùng Vương. Mỹ Quý, TPLX ,An Giang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 1 NĂM 2013



CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: Số 90, đường Hùng Vương, P. Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552.158.071.280	600.572.377.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.176.026.190	9.990.690.435
1. Tiền	111		10.176.026.190	9.990.690.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.879.818.231	227.745.210.601
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	192.230.988.973	211.115.399.597
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	27.845.321.621	23.473.030.496
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	782.001.332	1.135.274.203
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(7.978.493.695)	(7.978.493.695)
IV. Hàng tồn kho	140		308.348.123.100	345.651.813.445
1. Hàng tồn kho	141	V.6	308.348.123.100	345.651.813.445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.754.103.759	17.184.662.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.098.609.085	1.056.607.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.101.689.180	15.864.768.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	553.805.494	263.286.230

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CÙU LONG AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.186.220.208	231.180.434.244
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		229.332.137.534	223.147.759.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.225.478.772	120.312.318.149
<i>Nguyên giá</i>	222		181.757.523.007	178.864.765.925
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(62.532.044.235)	(58.552.447.776)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	52.947.267.164	53.439.970.934
<i>Nguyên giá</i>	228		58.461.610.862	58.461.610.862
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.514.343.698)	(5.021.639.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	57.159.391.598	49.395.470.061
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.254.082.674	4.432.675.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.047.208.054	1.225.800.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		896.520.620	896.520.620
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	2.310.354.000	2.310.354.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		789.344.291.488	831.752.811.317

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CÙU LONG AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

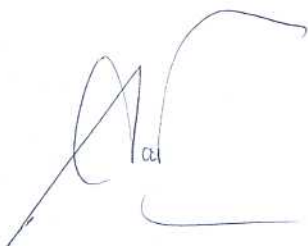
Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		521.673.898.113	556.528.395.262
I. Nợ ngắn hạn	310		493.982.481.455	539.710.390.397
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	456.353.209.427	422.811.403.832
2. Phải trả người bán	312	V.16	9.609.683.619	85.462.951.188
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	3.736.291.000	1.684.026.120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	1.537.630.005	1.642.559.590
5. Phải trả người lao động	315	V.19	4.033.602.052	3.758.591.372
6. Chi phí phải trả	316	V.20	7.400.456.369	8.833.380.804
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	1.476.834.348	1.922.127.192
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	9.834.774.635	13.595.350.299
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.691.416.658	16.818.004.865
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	27.629.473.638	16.756.061.845
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		61.943.020	61.943.020
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.670.393.375	275.224.416.055
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	267.670.393.375	275.224.416.055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.571.767.056	2.571.767.056
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.437.617.397	17.437.617.397
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.744.034.722	51.298.057.402
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		789.344.291.488	831.752.811.317

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	
5. Ngoại tệ các loại:			-	
EURO			323,11	322,5
USD			387.211,74	345.433,1
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2013



TRẦN THỊ VĂN LOAN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: Số 90, đường Hùng Vương, P. Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	217.538.693.796	233.318.761.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	191.117.728	191.734.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	217.347.576.068	233.127.026.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	190.811.753.522	208.353.427.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.535.822.546	24.773.599.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	154.008.849	4.469.198.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.505.222.005	10.061.744.196
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.337.838.233	10.053.927.422
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22.197.241.242	11.677.867.544
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.459.143.838	6.192.064.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.471.775.690)	1.311.121.853
11. Thu nhập khác	31		158.849	443.333
12. Chi phí khác	32		82.405.839	753.062.126
13. Lợi nhuận khác	40		(82.246.990)	(752.618.793)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.554.022.680)	558.503.060
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	75.208.629
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.554.022.680)	483.294.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			26


NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2013

TRẦN THỊ VĂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: Số 90, đường Hùng Vương, P. Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

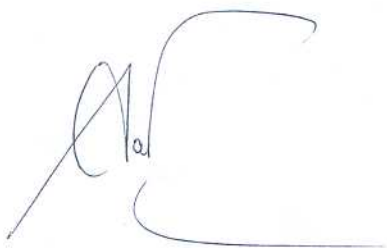
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.554.022.680)	558.503.060
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.472.300.229	4.048.886.673
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.084.812)	(755.527.684)
- Chi phí lãi vay	06		6.337.838.233	10.053.927.422
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.212.030.970	13.905.789.471
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.337.952.748	75.350.197.723
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		37.303.690.345	(19.202.289.925)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(75.598.466.405)	(10.024.452.889)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		136.590.881	741.352.802
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.248.510.701)	(10.482.294.557)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.760.575.664)	(295.186.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.617.287.826)	49.993.116.181
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.656.678.619)	(1.043.640.117)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.868.623
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.084.812	740.749.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.612.593.807)	(268.021.588)

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	292.844.220.778	440.855.624.985
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(248.429.003.390)	(472.604.483.488)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(36.799.350.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>44.415.217.388</i>	<i>(68.548.208.503)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		185.335.755	(18.823.113.910)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.990.690.435	31.508.039.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.176.026.190	12.684.925.461



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2013



TRẦN THỊ VĂN LOAN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lắp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	2%
• Quỹ dự phòng tài	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chính	quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	459.926.688	839.188.358
Tiền gửi ngân hàng	9.716.099.502	9.151.502.077
Cộng	10.176.026.190	9.990.690.435

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	64.518.576.888	82.790.557.332
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	12.504.010.500	14.585.410.500
Seaquest Seafood Corporation	12.115.043.588	9.177.974.928
Frigorifico Jahu LTDA	10.663.936.000	6.556.410.000
Shawaya House Co.	8.556.142.400	8.991.648.000
Censea INC	7.444.413.117	3.898.878.480
Huỳnh Thị Hoàng Em	7.379.435.265	4.434.921.040
Grupo Almos S.A.DEC.V	7.367.905.000	6.488.764.500
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	6.050.534.000	10.370.575.500
Kanpa International Sales	4.632.676.050	7.910.881.050
Montkaura, S.L	4.416.751.614	4.416.751.614
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	4.217.501.002	4.413.463.002
Alliance Seafood Group	4.092.561.908	4.092.561.908
Piazza's seafood World L.L.C	3.936.492.000	2.622.564.000
Greenport Foods LLC	2.493.715.612	0
Meridian Products	2.346.690.760	3.709.054.800
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	2.307.856.320	3.478.265.005
Mai Thị Bảo Châu	2.084.732.892	2.228.299.520
Interocean Foods PTE LTD	2.039.686.040	0
Kimbex S.R.O	2.004.819.968	0
Magenta LLC	1.952.625.000	0
Khách hàng khác	19.104.883.049	30.948.418.418
Cộng	192.230.988.973	211.115.399.597

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty TNHH Thiết Bị Lạnh & Cách Nhiệt TST	7.761.258.984	5.726.784.048

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH Cơ Khí Xây Dựng TM Tân Hoàng Tuấn	6.818.500.000	5.852.000.000
Cty TNHH KT Cơ Nhiệt Vĩnh Quang	4.876.212.000	4.876.212.000
Cty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	3.187.785.600	1.593.892.800
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Cty TNHH TVDV CBXK Thủy Sản	813.144.904	649.794.904
Cty TNHH SX & TM Dân Cường	385.000.000	567.930.000
Cty TNHH TBKH Kỹ Thuật Mỹ Thành	374.184.096	0
Cty TNHH TM ấn Tượng	279.926.000	0
Huỳnh Văn Lâm	267.510.000	267.510.000
Mayekawa MFG.CO (Việt Nam)	237.699.000	237.699.000
Cty TNHH Nhà Thép Tiền Chế ATAD	223.287.223	0
Cty Luật TNHH Gia Phạm	219.763.040	219.763.040
Cty TNHH TM&SX Tân Phương Phát	207.900.000	0
Các nhà cung cấp khác	1.261.800.074	2.550.094.004
Cộng	27.845.321.621	23.473.030.496
4. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng		0
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	162.571.132	515.844.003
Cộng	782.001.332	1.135.274.203
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	7.978.493.695
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	244.624.860	244.624.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.733.868.835	7.733.868.835
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	7.978.493.695
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.798.841.452	4.641.399.322
Công cụ, dụng cụ	7.308.525.422	7.345.460.754
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171.470.969.295	171.925.673.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành phẩm	113.250.543.174	160.738.729.432
Hàng gửi đi bán	5.519.243.757	1.000.550.064
Cộng	308.348.123.100	345.651.813.445

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	486.160.457	
Công cụ dụng cụ	612.448.628	1.056.607.540
Cộng	1.098.609.085	1.056.607.540

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	72.302.344.427	102.165.251.344	2.649.981.426	1.747.188.728	178.864.765.925
Mua / kết chuyển trong kỳ	2.426.557.082	450.000.000	16.200.000	0	2.892.757.082
Thanh lý	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	74.728.901.509	102.615.251.344	2.666.181.426	1.747.188.728	181.757.523.007
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	14.808.719.355	41.218.657.288	1.475.567.083	1.049.504.050	58.552.447.776
Khấu hao trong kỳ	1.432.847.693	2.415.899.763	69.188.997	61.660.006	3.979.596.459
Thanh lý, nhượng bán					0
Số cuối kỳ	16.241.567.048	43.634.557.051	1.544.756.080	1.111.164.056	62.532.044.235
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	57.493.625.072	60.946.594.056	1.174.414.343	697.684.678	120.312.318.149
Số cuối kỳ	58.487.334.461	58.980.694.293	1.121.425.346	636.024.672	119.225.478.772

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	58.461.610.862
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	58.461.610.862
Giá trị hao mòn	
Số đầu kỳ	5.021.639.928
Khấu hao trong kỳ	492.703.770
Giảm trong kỳ	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Số cuối kỳ	<u>5.514.343.698</u>
 Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>53.439.970.934</u>
Số cuối kỳ	<u>52.947.267.164</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
XDCB dở dang	48.835.395.403	10.421.592.606	(2.155.048.648)	57.101.939.361
Sửa chữa lớn TSCĐ	560.074.658	515.958.736	(1.018.581.157)	57.452.237
Số cuối kỳ	<u>49.395.470.061</u>	<u>10.937.551.342</u>	<u>(3.173.629.805)</u>	<u>57.159.391.598</u>

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Tô Châu ^(*)	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		<u>3.600.000.000</u>		<u>3.600.000.000</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	302.297.452	0
Công cụ dụng cụ	207.308.798	284.997.320
Phí thuê luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ	537.601.804	940.803.160
Cộng	<u>1.047.208.054</u>	<u>1.225.800.480</u>

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược khác	2.310.354.000	2.310.354.000
Cộng	<u>2.310.354.000</u>	<u>2.310.354.000</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	450.719.414.494	413.909.094.609
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	29.275.768.841	70.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	197.549.607.933	190.602.057.609
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	85.890.456.600	108.524.196.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	58.144.035.745	0
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ^(e)	29.848.024.900	77.875.581.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngân Hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh An Giang^(b)</i>	50.011.520.475	36.837.260.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.633.794.933	8.902.309.223
Cộng	456.353.209.427	422.811.403.832

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và hàng tồn kho (thành phẩm), tài sản cố định.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán và tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm không thấp hơn 50 tỷ VND.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho bình quân (bao gồm toàn bộ hàng tồn kho) tương đương 31,5 tỷ đồng.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để phục vụ sản xuất kinh doanh cá tra xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp hàng tồn kho (thành phẩm) tương đương 31 tỷ, và thế các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ (hoặc kết chuyển nợ dài hạn sang)	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	413.909.094.609	281.970.808.985	(245.160.489.100)	450.719.414.494
Vay dài hạn đến hạn trả	8.902.309.223	0	(3.268.514.290)	5.633.794.933
Cộng	422.811.403.832	281.970.808.985	(248.429.003.390)	456.353.209.427

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khách hàng cung cấp cá nguyên liệu	0	40.378.204.500
Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long	0	34.073.747.925
Cty TNHH Nhà Thép Tiên Chế ATAD	0	1.423.712.777
Cty TNHH SX BB TM Nguyên Phước	0	1.410.248.400
Cty TNHH SX BB TM Tân Nguyên Phước	1.164.420.840	0
Cty TNHH XL Điện Nước Thanh Bình	1.148.112.546	0
Doanh Nghiệp Tư Nhân Minh Phát	1.064.999.880	0

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cty CP Bao Bì Tín Thành	830.123.800	371.116.900
Cty TNHH Wilmar Agro Việt Nam	713.593.125	0
CPM ACQUISITION CORP	0	615.053.700
Cty TNHH Hoá Chất Thành Phương	561.825.000	420.750.000
Cty TNHH King Group	479.441.600	600.798.000
Cty CP Bao Bì Thủy Sản	382.395.750	394.306.665
Hon Yung Development Co.LTD	379.961.651	379.961.651
Cty TNHH Công Nghệ Tiềm Năng	362.257.500	415.745.000
Cty TNHH SX - TM Hóa chất Cửu Long	280.176.000	217.196.000
Cty TNHH SX TM DV Nguyễn Liêm	270.470.200	138.629.324
Cty Công Nghiệp Tân á	269.436.750	875.738.600
CTY CP Đầu Tư Thủy Sản Việt	203.215.729	31.173.408
Cty TNHH In & BBĐồng Hiệp Thành	143.630.575	427.487.775
DNTN Vạn ý	134.459.175	627.574.625
Khách hàng khác	1.221.163.498	2.661.505.938
Cộng	9.609.683.619	85.462.951.188

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Deep Sea Harvest LTD	2.528.394.232	0
Cty TNHH Sản Xuất TM Nguyệt Trang	5.610.882	720.033.382
Global Beef Trading, Sociedade Unipessoal, LDA	677.951.400	0
Gulf Central Co Ltd	190.992.760	0
Moussallem Bros SARL	0	378.028.200
Tianjin Foodstuffs & EXP. Co., Ltd	0	251.060.712
RJ Pescados Comercio importacao E Exportacao LTDA	126.009.400	127.571.500
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Các khách hàng khác	103.775.510	103.775.510
Cộng	3.736.291.000	1.684.026.120

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	860.789.384	860.789.384	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.514.587.220	0	0	1.514.587.220
Thuế thu nhập cá nhân	127.972.370	72.068.472	176.998.057	23.042.785
Thuế tài nguyên	0	8.511.120	8.511.120	0
Các loại thuế khác	0	3.000.000	3.000.000	0
Cộng	1.642.559.590	944.368.976	1.049.298.561	1.537.630.005

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BAO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu 0%, hàng tiêu thụ trong nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4.033.602.052	3.758.591.372
Cộng	4.033.602.052	3.758.591.372

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước phí lưu kho	533.085.476	1.017.020.161
Trích trước phí lãi vay ngắn hạn	768.969.958	679.642.426
Trích trước phí vận chuyển cá nguyên liệu	0	116.157.750
Trích trước phí vận chuyển thức ăn	0	146.952.000
Trích trước cước tàu và phí chứng từ	5.859.787.134	6.541.864.251
Trích trước phí vi sinh	76.993.181	145.425.091
Trích trước phí vận chuyển xe lạnh	157.019.820	49.758.200
Trích trước chi phí khác	4.600.800	136.560.925
Cộng	7.400.456.369	8.833.380.804

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	879.148.322	755.252.522
Bảo hiểm xã hội	446.948.743	903.420.912
Bảo hiểm y tế	0	85.380.966
Bảo hiểm thất nghiệp	0	37.446.560
Phải trả khác	150.737.283	140.626.232
Cộng	1.476.834.348	1.922.127.192

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích bổ sung trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.401.981.039	0	(3.439.752.000)	1.962.229.039
Quỹ phúc lợi	1.971.254.808	0	(320.823.664)	1.650.431.144
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.222.114.452	0	0	6.222.114.452
Cộng	13.595.350.299	0	(3.760.575.664)	9.834.774.635

23. Vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển An Giang ^(a)	27.629.473.638	16.756.061.845
Cộng	27.629.473.638	16.756.061.845

- (a) Khoản vay Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển An Giang với lãi suất 13,5%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	16.756.061.845
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	10.873.411.793
Số kết chuyển	0
Số cuối kỳ	27.629.473.638

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	217.538.693.796	233.318.761.679
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>187.957.815.269</i>	<i>205.025.427.134</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán phụ phẩm	29.560.050.527	28.218.353.745
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.828.000	74.980.800
Khoản giảm trừ doanh thu:		191.734.734
- Hàng bán bị trả lại		0
- Giảm giá hàng bán	191.117.728	191.734.734
Doanh thu thuần	217.347.576.068	233.127.026.945
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	187.766.697.541	204.833.692.400
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	29.560.050.527	28.218.353.745
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.828.000	74.980.800

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	121.523.771.788	203.764.136.061
Chi phí nhân công trực tiếp	10.632.571.600	11.854.105.908
Chi phí sản xuất chung	15.231.212.991	13.298.879.582
Tổng chi phí sản xuất	147.387.556.379	228.917.121.551
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	454.704.578	(10.231.600.325)
Tổng giá thành sản xuất	147.842.260.957	218.685.521.226
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	42.969.492.565	(10.332.093.648)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	190.811.753.522	208.353.427.578

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	19.548.074	249.782.692
Lãi cho vay	44.084.812	571.769.148
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.375.963	3.647.646.900
Cộng	154.008.849	4.469.198.740

4. Chi phí tài chính

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	167.383.772	10.053.927.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.337.838.233	7.816.774
Cộng	6.505.222.005	10.061.744.196

5. Chi phí bán hàng

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	6.238.239.344	0
Chi phí vi sinh	511.825.608	678.883.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.447.176.290	10.998.984.307
Cộng	22.197.241.242	11.677.867.544

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.342.140.930	3.354.550.120
Chi phí vật liệu quản lý	0	3.066.000
Chi phí công cụ văn phòng	131.684.476	76.977.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.600.119	208.675.018
Thuế, phí và lệ phí	11.511.120	9.301.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.495.959.628	2.198.682.307
Chi phí khác	249.247.565	340.811.278
Cộng	5.459.143.838	6.192.064.514

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	403.841.000	456.379.300
Cộng	403.841.000	456.379.300

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.176.026.190	-	-	-	10.176.026.190
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	-	-	-	0
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	-	-	-	0
Phải thu khách hàng	180.591.874.271	-	11.639.114.702	-	192.230.988.973
Các khoản cho vay	0	-	-	-	0
Các khoản phải thu khác	3.092.355.332	-	-	-	3.092.355.332
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	197.460.255.793	-	11.639.114.702	-	209.099.370.495
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	-	-	9.990.690.435
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	-	-	-	0
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	-	-	-	0
Phải thu khách hàng	-	-	11.639.114.702	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Cộng
	199.476.284.895				211.115.399.597
Các khoản cho vay	0	-	-	-	0
Các khoản phải thu khác	3.445.628.203	-	-	-	3.445.628.203
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	216.512.603.533	-	11.639.114.702	-	228.151.718.235

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải trả người bán	9.609.683.619			9.609.683.619
Vay và nợ	456.353.209.427	27.629.473.638		483.982.683.065
Các khoản phải trả khác	7.551.193.652			7.551.193.652
Cộng	473.514.086.698	27.629.473.638		501.143.560.336

Số đầu năm

Nợ phải trả tài chính được
ghi nhận theo giá trị hợp lý
thông qua Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh

Phải trả người bán	85.462.951.188			85.462.951.188
Vay và nợ	422.811.403.832	16.756.061.845		439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	8.974.007.036			8.974.007.036
Cộng	517.248.362.056	16.756.061.845		534.004.423.901

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	378.211,74	323,11	345.433,17	322,58
Phải thu khách hàng	8.767.756,04	-	9.812.836,51	-
Các khoản cho vay	-	-	0	-
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Phải trả người bán	111.000,00	-	111.000,00	-
Vay và nợ	(18.255,10)	-	(47.805,10)	-
	(14.541.125,00)	-	(17.377.200,00)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	0	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(5.293.412,32)	323,11	(7.155.735,42)	322,58

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	7.443.515.185
	- 2%	(7.443.515.185)
Năm trước	+ 2%	8.646.429.529
	- 2%	(8.646.429.529)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 3.600.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 3.600.000.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 270.000.000 VND (năm trước là 270.000.000 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp nợ phải thu với giá trị tối thiểu là 3.000.000 USD để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên AZN Việt Nam (Xem thuyết

Tài sản thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.176.026.190	-	9.990.690.435	-	10.176.026.190	9.990.690.435
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	-	0	-	0	0
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	-	211.115.399.597	(7.978.493.695)	184.252.495.278	203.136.905.902
Phải thu khách hàng	192.230.988.973	(7.978.493.695)	0	-	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản cho vay	0	-	0	-	0	-
Các khoản phải thu khác	3.092.355.332	-	3.445.628.203	-	3.092.355.332	3.445.628.203
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	209.099.370.495	(7.978.493.695)	228.151.718.235	(7.978.493.695)	201.120.876.800	220.173.224.540

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải trả người bán	9.609.683.619	85.462.951.188	9.609.683.619	85.462.951.188
Vay và nợ	483.982.683.065	439.567.465.677	483.982.683.065	439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	7.551.193.652	8.974.007.036	7.551.193.652	8.974.007.036
Cộng	501.143.560.336	534.004.423.901	501.143.560.336	534.004.423.901

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2013



TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: Số 90, đường Hùng Vương, P. Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	298.094.921.409
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	15.114.034.870
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	296.297.556	740.743.890	(36.799.350.000)
Chi khác trong năm trước	-	-	-	-	(2.222.231.670)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	275.224.416.055
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	275.224.416.055
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(7.554.022.680)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	267.670.393.375

An Giang ngày 15 tháng 04 năm 2013



Trần Thị Văn Loan
Tổng Giám đốc

(Signature)

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



CTY CP XNK THỦY SẢN
CỬU LONG – AN GIANG
Số: 01/GTr. CLAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

(Giải trình V/v biến động lợi nhuận
Quý 1/2013 So với Quý 1/2012)

Long xuyên, Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG.

Mã chứng khoán: ACL

Địa chỉ: Số 90 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Tp Long xuyên, An Giang.

Giải trình tình hình biến động lợi nhuận:

Năm 2012 đến đầu năm 2013 chi phí nuôi trồng liên tục tăng cao: giá thức ăn thủy sản, điện, thuốc...tăng mạnh cộng thêm tình hình thời tiết không thuận lợi cho nuôi trồng làm sản lượng nuôi sụt giảm, đẩy giá thành Cá tra tăng rất cao. Trong khi giá Cá tra ngoài thị trường liên tục giảm, giảm dưới giá thành Cá nuôi.

Quý 1/2013 Vùng nuôi Công ty tới thời kỳ thu hoạch, Sản lượng cá nuôi chiếm gần 75% sản lượng sản xuất của cả Quý 1/2013. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận của Công ty giảm mạnh.

Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang xin kính báo.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- UBCK NN
- Sở GD&ĐT
- Lưu VT

